

TỰ CHỦ ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VÀ THÁCH THỨC TRONG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

● ĐÀO THỊ TRANG

TÓM TẮT:

Tự chủ đại học công lập là một xu thế tất yếu và tự chủ tài chính là một nhân tố bản lề trong đổi mới quản trị giáo dục đại học, đảm bảo sự thành công cho các trường. Trên lộ trình thực hiện tự chủ của các trường cũng bộc lộ nhiều vấn đề, những thách thức không nhỏ, đặc biệt là liên quan đến tự chủ tài chính. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả sẽ tổng quát về hành lang pháp lý liên quan đến cơ chế tự chủ tại các trường đại học công lập ở Việt Nam; phân tích về tự chủ tài chính, từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp trong thực hiện tự chủ nói chung và tự chủ tài chính nói riêng, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam trong xu thế hội nhập toàn cầu.

Từ khóa: tự chủ đại học công lập, tự chủ tài chính, quản trị đại học.

1. Đặt vấn đề

Nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Việt Nam nói chung và chất lượng giáo dục đại học nói riêng trong xu thế hội nhập toàn cầu thì tự chủ giáo dục đại học là một xu thế tất yếu. Trong đó, tự chủ tài chính là nhân tố bản lề đảm bảo sự thành công cho các trường đại học trên lộ trình thực hiện tự chủ, đổi mới trong quản trị đại học.

“*Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo*” là một trong các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm “*về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” được Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI thông qua (Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013). Xuất phát từ định hướng có tính chiến lược đó, hành lang pháp lý về tự chủ tại các trường đại học công lập ở Việt

Nam dần được xây dựng và hoàn thiện. Từ đó, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học công lập được nâng cao, làm nền tảng để giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học Việt Nam nói riêng chủ động phát triển, hội nhập quốc tế.

2. Hành lang pháp lý về cơ chế tự chủ tại các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay

“*Quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm*” của các trường đại học được ghi nhận từ năm 2003 trong Điều lệ Trường đại học ban hành tại Quyết định 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Kể từ đó, nội dung “*tự chủ và tự chịu trách nhiệm*” của các trường đại học công lập ở Việt Nam được tái khẳng định, cụ thể hóa trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nội dung “*tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục*” đã được đưa vào Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Cùng thời điểm đó, tại Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020, nêu rõ nhiệm vụ và giải pháp đổi mới cơ chế quản lý giáo dục đại học *“chuyển các cơ sở giáo dục đại học công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, có pháp nhân đầy đủ, có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về đào tạo, nghiên cứu, tổ chức, nhân sự và tài chính”*. Đồng thời, nhiều chính sách, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ cũng được các bộ, ngành, ban hành như Thông tư liên tịch 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 do liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nội vụ ban hành hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.

Năm 2012, Luật Giáo dục đại học 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 được Quốc hội ban hành tiếp tục khẳng định quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, mức độ tự chủ của cơ sở giáo dục đại học đã được gắn kết với năng lực, chất lượng giáo dục. Theo đó, *“cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục”*.

Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 được ban hành đã nâng tầm mức độ tự chủ của các trường. Theo đó, *“cơ sở giáo dục đại học công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện”* trong 5 lĩnh vực trọng yếu của giáo dục đại học, gồm tự chủ về: (i) thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; (ii) tổ chức bộ

máy, nhân sự; (iii) tài chính; (iv) chính sách học bổng, học phí đối với đối tượng chính sách; (v) đầu tư, mua sắm.

Tiếp đó, việc ban hành Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được đánh giá là một bước tiến lớn về hành lang pháp lý để thúc đẩy giáo dục đại học phát triển, trong đó nội dung cốt lõi là tự chủ đại học; quản trị đại học theo mô hình tiên tiến gắn với việc thành lập, kiện toàn hội đồng trường. Đồng thời, tại đây, quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học được quy định đi kèm với trách nhiệm giải trình. Cụ thể, các cơ sở giáo dục đại học phải:

(i) Thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; gửi các quy định nội bộ theo quy định về Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

(ii) Chịu trách nhiệm trước người học, chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan về việc bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và cam kết của cơ sở giáo dục đại học;

(iii) Thực hiện công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học về các nội dung: sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học; các quy chế, quy định nội bộ; danh sách giảng viên theo ngành, trình độ, chức danh và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo khác; kết quả kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, kế hoạch tổ chức đào tạo; đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, danh sách nhập học và tốt nghiệp hằng năm theo ngành, trình độ đào tạo, quy mô đào tạo và tỷ lệ

sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp; mẫu văn bằng, chứng chỉ, danh sách cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học hằng năm; chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cả khóa học; chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng; các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

(iv) Công khai thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định mở ngành, quyết định liên kết đào tạo cùng với hồ sơ chứng minh đủ điều kiện theo quy định lên trang thông tin điện tử của nhà trường trước khi thực hiện ít nhất 30 ngày làm việc; gửi thông báo, quyết định tới Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày thông báo hoặc ra quyết định;

(v) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu của nhà trường lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các văn bản đã ban hành, các quyết định, các hoạt động tự chủ thực hiện;

(vi) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học, trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Đặc biệt, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã quy định rõ điều kiện tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Theo đó, cơ sở giáo dục đại học được thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học khi đáp ứng đủ 4 điều kiện:

(i) Đã thành lập Hội đồng trường, Hội đồng Đại học và được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

(ii) Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của Hội đồng trường hoặc Hội đồng Đại học; quy chế phối hợp giữa Hội đồng trường hoặc Hội đồng Đại học, đảng ủy và nhà trường;

quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế dân chủ; quy chế quản lý đào tạo, khoa học công nghệ, học sinh sinh viên, tài chính tài sản và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng do Nhà nước quy định.

(iii) Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học.

(iv) Xây dựng đề án tự chủ và thực hiện công khai đầy đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung, hơn 20 năm qua, hành lang pháp lý về tự chủ và các khía cạnh của tự chủ tại các trường đại học công lập ở Việt Nam đã dần được kiện toàn. Tuy nhiên, trên lộ trình thực hiện tự chủ của các trường cũng bộc lộ nhiều vấn đề, thách thức không nhỏ; đặc biệt là khía cạnh liên quan đến tự chủ tài chính.

3. Vấn đề đặt ra trong tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay

Kể từ khi thực hiện chủ trương, chiến lược của Đảng và Nhà nước về thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các trường đại học công lập trong cả nước, vấn đề tự chủ tài chính vẫn luôn nan giải, còn nhiều khó khăn, vướng mắc trên lộ trình thực hiện tự chủ.

Cơ chế tự chủ tài chính được các trường đại học công lập thực hiện theo quy định tại các văn bản: Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP); và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP). Nghị định số

60/2021/NĐ-CP ra đời đánh dấu bước đột phá trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý về cơ chế tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập.

Tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, khái niệm “cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công” (trong đó có đơn vị sự nghiệp giáo dục đại học) được giải thích một cách rõ ràng. Theo đó, “Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công” được hiểu là “các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về danh mục sự nghiệp công; giá, phí và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; phân loại mức độ tự chủ tài chính; tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan”. Đồng thời, cũng tại mục 2, Chương III, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định về tự chủ về tài chính của cơ sở giáo dục, đào tạo đã được đưa ra; đồng thời, cụ thể hóa điều kiện tự chủ của cơ sở giáo dục đại học; gắn hoạt động chi tiêu tài chính của đơn vị với việc bảo đảm chuẩn chất lượng đầu ra theo đúng cam kết.

Những thay đổi trên đã tạo hành lang pháp lý cho việc nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện tự chủ tài chính - xương sống của tự chủ đại học đang đặt ra khá nhiều thách thức cho cả hoạt động quản trị giáo dục đại học lẫn người học.

Về phân loại mức độ tự chủ tài chính, đơn vị sự nghiệp giáo dục đại học được phân thành bốn nhóm: Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1); đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2); đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3); đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4). Cụ thể:

Nhóm 1: đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, gồm: Một là, đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định bằng hoặc lớn hơn 100%; có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc

lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị. Hai là, đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công xác định theo cơ chế thị trường, có tính đủ khấu hao tài sản cố định và có tích lũy dành chi đầu tư.

Nhóm 2: đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên, gồm: Một là, đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định bằng hoặc lớn hơn 100% và chưa tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Nguồn thu phí được để lại chi theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hai là, đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (không bao gồm khấu hao tài sản cố định).

Nhóm 3: đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định tại từ 10% đến dưới 100%, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí và được phân loại gồm: đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên; đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên; đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.

Nhóm 4: đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên gồm: đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên xác định theo phương án quy định dưới 10%; đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu sự nghiệp.

Về nguồn tài chính của trường đại học công lập, gồm 3 nguồn chính: Ngân sách Nhà nước cấp, thu học phí và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ giáo dục. Cụ thể:

(i) Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí cho cơ sở

giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên (nếu có) theo quy định của Nhà nước;

(ii) Thu học phí theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các quy định của Chính phủ về học phí;

(iii) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, gồm: thu dịch vụ giáo dục đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên; thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác; thu dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo; thu từ hoạt động hợp tác đào tạo với doanh nghiệp; thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đào tạo và quy định của pháp luật.

Đối với các trường đại học công lập ở Việt Nam hiện nay, nguồn thu từ học phí vẫn là chủ yếu.

Nguồn ngân sách nhà nước cấp để đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư cho các trường đại học công lập sẽ giảm dần khi mức độ tự chủ của các trường tăng lên. Nếu nguồn thu hoạt động dịch vụ giáo dục không tăng lên đáng kể thì sức ép đảm bảo tài chính trong lộ trình thực hiện tự chủ sẽ buộc các trường phải tăng học phí của người học.

Đối với các trường đại học đã thực hiện tự chủ tài chính theo nhóm 1 và nhóm 2, yêu cầu tự chủ tài chính đặt ra 3 thách thức lớn cho các trường, gồm: (i) không còn được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư (đối với nhóm 1); ngân sách nhà nước không cấp kinh phí hoạt động chi thường xuyên (đối với nhóm 2); (ii) nguồn thu dịch vụ giáo dục của các trường thiếu đa dạng, không đủ bù đắp chi phí hoạt động; (iii) chính sách tín dụng cho sinh viên còn bị hạn chế.

4. Một số kiến nghị, giải pháp

Để đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục đại học bình đẳng cho người dân, quá trình thực hiện tự chủ tài chính phải có hệ thống giải pháp toàn diện để giải quyết tốt áp lực về nguồn tài chính của trường đại học công lập trong lộ trình thực hiện tự chủ; hướng tới “phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa” của đất nước (một trong năm nhiệm vụ, giải pháp được thông qua tại Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 - Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045), quản trị giáo dục đại học cần quan tâm đến một số nội dung để thực hiện tự chủ tài chính như sau:

4.1. Về nguồn tài chính của các trường đại học công lập

Cần quan tâm giải quyết 3 vấn đề chính.

- *Thứ nhất, tăng cường ngân sách nhà nước cấp cho giáo dục đại học.*

"Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học nhưng đổi mới phân bổ ngân sách theo hướng chi theo "đặt hàng" trường đại học để triển khai các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học, thúc đẩy chất lượng có tác động đến toàn hệ thống và có chính sách chi trực tiếp vào người học" (theo Thứ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Hoàng Minh Sơn tại Hội nghị tự chủ đại học năm 2022).

Cơ quan quản lý nhà nước nên tập trung vào việc thống kê, phân tích, dự báo nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao cho mỗi giai đoạn, đối với từng ngành nghề, từng địa phương; có chính sách phân bổ ngân sách ưu tiên cho giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp cho những ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, những lĩnh vực có tác động tổng thể đến sự phát triển của nền kinh tế nước nhà.

Xây dựng điều tiết mức ngân sách nhà nước cấp theo các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn, dài

hạn phù hợp với lộ trình thực hiện tự chủ của từng trường và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương nơi cơ sở giáo dục hoạt động.

Đồng thời, các cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện các biện pháp để đơn giản các thủ tục hành chính, linh hoạt trong giải ngân ngân sách chi cho giáo dục; tăng cường hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với các ngành đào tạo đặc thù, trọng điểm; ngành đào tạo khoa học cơ bản và nghiên cứu khoa học mũi nhọn.

- *Thứ hai, đa dạng hóa các nguồn thu của trường đại học công lập:*

Về các cơ quan quản lý nhà nước:

(i) Xây dựng quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học công lập gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; liên kết mạng lưới giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế vùng. Bên cạnh đó, cần có quy hoạch, chiến lược đối với từng ngành đào tạo để cân bằng nhu cầu đặt hàng dịch vụ sự nghiệp giáo dục công của nhà nước với chiến lược đào tạo để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp, các thực thể trong nền kinh tế xã hội.

(ii) Hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các trường đại học; làm cầu nối để thúc đẩy xã hội hóa hoạt động giáo dục đại học, khuyến khích đầu tư, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động giáo dục đại học.

(iii) Xây dựng các đề án, các mô hình thí điểm, hành lang pháp lý hướng tới phát triển mô hình đại học số, có phạm vi bao trùm cả hệ thống giáo dục đại học, không bị giới hạn trong không gian địa lý của một trường đại học cụ thể, vượt ra ngoài biên giới của một quốc gia. Khi đó, các trường đại học có thể tham gia sử dụng chung một nền tảng để cùng phát triển các khóa học, các chương trình đào tạo, cùng sử dụng, chia sẻ lợi ích; thúc đẩy xuất khẩu hoạt động dịch vụ giáo dục ra ngoài

biên giới của quốc gia; tiết kiệm chi phí liên quan đến hoạt động giảng dạy; tăng cường mức độ chủ động trong nguồn tài chính cho các trường đại học.

Về các trường đại học công lập:

Nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên; xây dựng, đổi mới chương trình giảng dạy gắn với nhu cầu tuyển dụng lao động chuyên môn thực tế của các ngành, các lĩnh vực kinh tế trong từng thời kỳ; tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ; thúc đẩy hoạt động liên kết đào tạo trong và ngoài nước; đối với hạ tầng trường đại học nên xây dựng theo hướng thông minh, bền vững với môi trường.

Đặc biệt, xây dựng, đẩy mạnh giáo dục đại học số để giáo dục đại học không bị bó hẹp bởi không gian địa lý, không bị giới hạn bởi nguồn nhân lực hiện hữu; tạo đột phá về quy mô và hiệu quả trong hoạt động giảng dạy, đào tạo và phát triển dịch vụ giáo dục xuyên biên giới. Mỗi trường đại học sẽ tập trung phát triển những khóa học, ngành đào tạo mà đơn vị có lợi thế cạnh tranh để tiết kiệm chi phí giảng dạy, đồng thời dễ thu hút, mở rộng đối tượng người học trên phạm vi cả nước, thậm chí cho cả sinh viên quốc tế. Nhờ đó, nguồn thu tài chính từ hoạt động dịch vụ giáo dục sẽ được tăng cao, góp phần đẩy nhanh quá trình tiến tới tự chủ toàn diện về tài chính của trường đại học.

- *Thứ ba, xây dựng chính sách tín dụng phù hợp cho sinh viên.*

Các chính sách tín dụng cho sinh viên tại các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay vẫn mang tính chất bảo trợ xã hội, đối tượng vay vốn hạn chế ở các trường hợp sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hơn là một chính sách tài chính cho giáo dục đại học; mức cho vay đối với người học vẫn còn thấp và thiếu linh hoạt (Theo Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; mức cho vay tối đa 4.000.000 đồng/tháng. Như vậy, những sinh viên chọn học ngành có học phí cao (như ngành Y-Dược) tại các trường tự chủ

tài chính sẽ khó đảm bảo khả năng chi trả trong quá trình học tập.

Vì vậy, cần mở rộng đối tượng được tham gia vào chính sách tín dụng sinh viên; dần dần hướng tới tất cả các sinh viên trong hệ thống giáo dục đại học đều được tham gia vay vốn để học tập, không kể xuất thân, hoàn cảnh gia đình. Nghiên cứu xây dựng chính sách cho người học vay theo tương quan tỉ lệ với học phí đối của ngành đào tạo.

4.2. Về phân loại mức độ tự chủ tài chính

Do năng lực tự chủ của các trường đại học công lập trên cả nước không đồng đều, vì vậy, việc triển khai thực hiện tự chủ tài chính theo các nhóm, các cấp độ không nên tiến hành đồng loạt. Việc thực hiện tự chủ tài chính và nâng nhóm mức độ tự chủ tài chính của các trường đại học công lập cần được thực hiện theo lộ trình từng bước, phù hợp với các đối tượng trường cụ thể ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
3. Chính phủ (2003). Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 ban hành Điều lệ trường đại học.
4. Chính phủ (2005). Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.
5. Chính phủ (2014). Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với một số cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017.
6. Chính phủ (2015). Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
7. Chính phủ (2015). Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Chính phủ (2019). Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
9. Chính phủ (2021). Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
10. Chính phủ (2022). Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
11. Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ (2009). Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.
12. PGS.TS. Vũ Hải Quân (2021). Tự chủ tài chính - Mất xích trọng yếu của tự chủ đại học. Truy cập tại <https://megastory.vnuhcm.edu.vn/tu-chu-tai-chinh-mac-xich-trong-yeu-cua-tu-chu-dai-hoc/>
14. Quốc hội (2012). Luật số 08/2012/QH13: Luật Giáo dục đại học, ban hành ngày 18/6/2012.

15. Quốc hội (2018). Luật số 34/2018/QH14: Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, ban hành ngày 19/11/2018.
16. Thế Phong (2024). Giáo dục đại học số tăng cơ hội tiếp cận giáo dục bền vững. Truy cập tại <https://nhandan.vn/giao-duc-dai-hoc-so-tang-co-hoi-tiep-can-giao-duc-ben-vung-post797072.html>
17. TS. Võ Đức Toàn (2022). Tự chủ tài chính đại học công lập: Vấn đề tài chính đối với người học, Tạp chí Công Thương, 21, 137-141.
18. Vĩnh Hà, Nguyễn Bảo (2022). Tự chủ đại học: Để gánh nặng tài chính không "đề" người học. Truy cập tại <https://tuoitre.vn/tu-chu-dai-hoc-de-ganh-nang-tai-chinh-khong-de-nguoi-hoc-20220805085026477.htm>

Ngày nhận bài: 30/3/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 12/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 1/5/2024

Thông tin tác giả:

ĐÀO THỊ TRANG

Phó Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá A-Z Việt Nam

AUTONOMY AT PUBLIC UNIVERSITIES AND CHALLENGES IN FINANCIAL AUTONOMY

● **DAO THI TRANG**

Vice Director, Vietnam A-Z Audit and Valuation Co.,Ltd.

ABSTRACT:

Autonomy at public universities is considered an inevitable trend, and financial autonomy is a pivotal factor for innovating the higher education administration and ensuring the success of higher education institutions. During the implementation of the autonomy mechanism at higher education institutions, many problems and challenges have arisen, especially financial problems. This paper presented an overview of the legal framework for the autonomy mechanism of public universities in Vietnam. The paper analyzed the financial autonomy mechanism and proposed some solutions to improve the quality of Vietnam's higher education in the context of the country's international integration process.

Keywords: autonomy at public universities, financial autonomy, higher education administration.